

Ngay nay, hầu như ở các nước đang phát triển họ đã không dùng tiền mặt trong giao dịch mua bán thường ngày hoặc nếu có sử dụng cũng rất ít. Riêng tại Việt Nam, việc sử dụng quá nhiều tiền mặt trong giao dịch mua bán, thật dễ dàng nhận thấy. Bất cứ hoạt động mua bán giao dịch nào trong khu vực dân cư, từ việc mua sắm tivi, đầu máy, đến ô tô, nhà ở, đất đai... hầu hết đều sử dụng tiền mặt. Ngay cả doanh nghiệp và cơ quan hành chính cũng như vậy. Việc sử dụng tiền mặt làm tổn rất nhiều thời gian và thu hút khá nhiều lao động trong các việc kiểm đếm, thu ngân, vận chuyển và làm tổn rất nhiều mặt bằng cho kho quỹ, nhất là trong hệ thống ngân hàng. Thực trạng giao dịch quá lớn bằng tiền mặt dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực như: bị cướp giật khi vận chuyển, lừa đảo huy động vốn, thất thu thuế, tiền giả trong lưu thông và các vụ án kinh tế thất thoát từ hàng trăm triệu đồng đến hàng nghìn tỷ đồng. Do vậy, việc tìm kiếm một công cụ thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập cho toàn xã hội, nhất là khu vực dân cư ngày càng trở nên cấp thiết và quan trọng. Một trong những công cụ thanh toán đó là thẻ thanh toán quốc tế.

THẺ THANH TOÁN QUỐC TẾ MỘT CÔNG CỤ THANH TOÁN CÓ THỂ THAY ĐỔI TẬP QUÁN SỬ DỤNG TIỀN MẶT Ở NƯỚC TA

Thạc sĩ TRẦN NGỌC TRI

Thẻ thanh toán quốc tế xuất hiện trên thế giới vào những năm 60 và nó trở nên phổ cập ở các nước phát triển vào những năm 70. Thẻ thanh toán quốc tế được du nhập vào nước ta từ năm 90, vai trò tiên phong trong triển khai nghiệp vụ thanh toán và phát hành thẻ thanh toán quốc tế thuộc về Ngân hàng ngoại thương. Đến nay hai ngân hàng chấp nhận thanh toán bốn loại thẻ thanh toán quốc tế phổ cập trên thế giới là VISA, MasterCard, Amex, JCB là Ngân hàng ngoại thương và Ngân hàng UOB. Ngân hàng ngoại thương và Ngân hàng Á Châu là hai ngân hàng Việt Nam phát hành thẻ thanh toán quốc tế VISA và MasterCard, gần đây có thêm Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam cũng công bố phát hành loại thẻ MasterCard. Ngoài ra còn có một số ngân hàng trong nước, ngân hàng liên doanh và ngân hàng nước ngoài có văn phòng tại Việt Nam cũng là ngân hàng đại lý

chấp nhận thanh toán thẻ thanh toán quốc tế.

Thẻ thanh toán quốc tế là một phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt mà người chủ thẻ có thể sử dụng để rút tiền mặt tại các Ngân hàng đại lý, các máy rút tiền tự động (ATM) hoặc thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ một cách nhanh chóng, thuận lợi và an toàn. Thẻ thanh toán quốc tế làm bằng nhựa ABS hoặc PC, cấu tạo với 3 lớp được ép với kỹ thuật cao, thẻ có kích thước 84mm x 54mm x 0,76mm có góc tròn, gồm 2 mặt, mặt trước của thẻ có tên và biểu tượng của ngân hàng phát hành thẻ, số thẻ, tên chủ thẻ, ngày hiệu lực của thẻ được in nổi và biểu tượng của chức thẻ, mặt sau là dải băng từ chứa các thông tin đã được mã hóa theo một chuẩn thông nhất như số thẻ, tên chủ thẻ, ngày hiệu lực và các yếu tố kiểm tra an toàn khác. Thẻ thanh toán quốc tế do các ngân hàng Việt Nam phát hành đều có những tính năng như thẻ thanh toán quốc tế được phát hành tại các nước khác trên thế giới. Tính năng thứ nhất là phương tiện thanh toán trên toàn cầu, được chấp nhận sử dụng trên toàn thế giới, tại các cơ sở chấp nhận thanh toán thẻ có trưng bày thương hiệu, biểu tượng có liên quan, không phân biệt

vẫn hướng vào thị trường giải trí và du lịch; thẻ VISA, có thể nói rằng đây là loại thẻ có quy mô phát triển lớn nhất thế giới, có 21.000 thành viên tại hơn 300 nước và lãnh thổ, đã phát hành 500 triệu thẻ, có 20 triệu cơ sở chấp nhận thanh toán, 320.000 máy rút tiền mặt và doanh số giao dịch 1999 là 1.600 tỷ USD; thẻ MasterCard vào năm 1999, đã có 22.000 thành viên tại hơn 210 nước và lãnh thổ, phát hành 350 triệu thẻ, có 19,1 triệu cơ sở chấp nhận thanh toán, 200.000 máy rút tiền ATM, doanh số giao dịch là 727 tỷ USD.

Có nhiều cách để phân loại thẻ thanh toán quốc tế, nhưng có thể phân loại theo hai cách sau đây:

Theo tính chất thanh toán của thẻ gồm có, thẻ tín dụng (Credit Card) là loại thẻ được sử dụng phổ biến, theo đó người chủ thẻ được phép sử dụng một hạn mức tín dụng quy định không phải trả lãi (nếu chủ thẻ hoàn trả số tiền đã sử dụng đúng kỳ hạn) và thẻ ghi nợ (Debit Card) là loại thẻ có quan hệ trực tiếp và gắn liền với tài khoản tiền gởi của chủ thẻ. Loại thẻ này khi mua hàng hóa dịch vụ, giá trị những giao dịch sẽ được khấu trừ vào tài khoản của chủ thẻ và đồng thời ghi có vào tài khoản của nơi bán hàng.

Theo hạn mức tín dụng gồm có thẻ vàng (Gold Card) là loại thẻ phát hành cho những đối tượng có uy tín, khả năng tài chính lành mạnh, nhu cầu chi tiêu lớn, chung nhất thẻ có hạn mức tín dụng cao hơn 5.000USD và thẻ thường (Standard Card) là loại thẻ mang tính chất phổ thông đại chúng. Hạn mức tín dụng tùy theo ngân hàng phát hành quy định, thông thường khoảng 1.000USD.

Ở nước ta, trong thời gian đầu những năm 90, doanh thu của thẻ thanh toán quốc tế phụ thuộc chủ yếu vào thương nhân và khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam, những người này sử dụng thẻ do ngân hàng nước ngoài phát hành và chỉ dùng giới hạn ở những nơi cao cấp như khách sạn, nhà hàng, sân bay, các cửa hàng bán hàng miễn thuế và hàng lưu niệm cho khách nước ngoài. Những năm gần đây do chính sách mở cửa đối mới của nước ta và chính sách đổi mới của ngân hàng nên doanh số và số lượng thẻ thanh toán do ngân hàng Việt Nam phát hành ngày càng cao. Qua số liệu thu thập từ một ngân hàng thương mại ta sẽ thấy thực trạng phát hành và thanh toán thẻ thanh toán quốc tế tại ngân hàng này như sau (xem bảng):

Doanh số thanh toán hàng hóa dịch vụ bằng thẻ thanh toán quốc tế có xu hướng tăng 90% mỗi năm. Năm 1998 doanh thu chỉ đạt được 1.854.000USD thì đến năm 2000 đã lên 6.849.000 USD tăng gần 3,6 lần, trong đó doanh số sử dụng trong nước cũng tăng dần theo từng năm. Tuy nhiên, doanh số trong nước chiếm tỷ lệ dưới 10%, qua

	1998 (1)	1999 (2)	2000 (3)	Tỷ lệ (2)/(1)	Tỷ lệ (3)/(2)	Tỷ lệ (3)/(1)
1 - Visa Card						
- Thanh toán hàng hóa dịch vụ (USD)	1.854.000	3.504.505	6.849.315	190%	195%	370%
- Trong đó tại Việt Nam (USD)	58.395	286.082	454.291	490%	158%	778%
- Số thẻ phát hành	1.100	2.445	5.868	222%	240%	533%
- Số cơ sở chấp nhận thẻ	1.850	2.180	2.450	118%	112%	132%
2 - MasterCard						
- Thanh toán hàng hóa dịch vụ (USD)	3.766.423	3.862.108	6.429.969	102%	166%	170%
- Trong đó tại Việt Nam (USD)	124.088	278.930	384.400	225%	138%	310%
- Số thẻ phát hành	2.400	3.161	4.133	132%	130%	172%
- Số cơ sở chấp nhận thẻ	1.850	2.180	2.450	118%	112%	132%

nhỏ so với doanh thu thanh toán hàng hóa dịch vụ. Điều này cũng nói lên rằng mặc dù các ngân hàng phát hành và các ngân hàng đại lý có cố gắng trong việc mở rộng cơ sở chấp nhận thẻ thanh toán từ 1.850 cơ sở trong năm 1998 đã tăng lên 2.450 cơ sở năm 2000, nhưng vẫn còn hạn hẹp trong một số thành phố lớn và một số quận trung tâm. Số thẻ thanh toán quốc tế được phát hành tăng bình quân hơn 100% mỗi năm, do sự cố gắng tiếp thị, mở rộng thị trường, mở rộng đối tượng và điều chỉnh chính sách phát hành. Như Ngân hàng Á Châu triển khai dịch vụ mới từ tháng 9.1999 là cấp thẻ tín dụng tín chấp (miễn đóng tiền ký quỹ) cho 8 đối tượng khách hàng như lãnh đạo, cán bộ giảng dạy các trường đại học, các bệnh viện, trung tâm y tế, các cơ quan hành chính sự nghiệp trung ương và địa phương, các tổng công ty 90-91, doanh nghiệp nhà nước hình thành theo Quyết định 388, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các công ty liên doanh ... Như vậy tình hình cho thấy xu hướng phát hành và sử dụng thẻ thanh toán ngày càng tăng. Tuy nhiên, thực trạng phát triển và hiệu quả của việc phát hành và thanh toán thẻ vẫn còn khiêm tốn, vẫn còn quá nhỏ so với tiềm năng của thị trường.

Nguyên nhân gây cản trở của vấn đề trên là thói quen sử dụng tiền mặt của người dân. Đó là trở ngại lớn mà các ngân hàng phát hành cần phải có biện pháp, nhằm tuyên truyền, thuyết phục để người dân được biết sự tiện ích của việc sử dụng thẻ thanh toán so với sử dụng tiền mặt. Thực tế hiện nay, số lượng cá nhân mở tài khoản rất ít, mặc dù ngân hàng Nhà nước đã ban hành quyết định số 160/QĐ-NH2 ngày 19.8.1993 về thẻ lệ mở và sử dụng tài khoản cá nhân rất đơn giản, nhưng tại Việt Nam mỗi khoản thu nhập hầu hết đều được trả bằng tiền mặt, do vậy, Ngân hàng thiếu căn cứ trong việc phát hành thẻ thanh toán quốc tế cho khách hàng. Đồng tiền thanh toán và tỷ giá cũng là nguyên nhân cản trở, hiện nay, tỷ giá chưa ổn định, nếu giao dịch nhằm vào thời điểm tỷ giá tăng thì chủ thẻ chịu thiệt rất nhiều. Nguyên nhân cuối cùng là quan niệm sai lầm về thẻ thanh

toán quốc tế chỉ giành cho giới nhà giàu, cán bộ có chức có quyền. Thật ra, ở các nước phát triển đây là một công cụ thanh toán không dùng tiền mặt rất phổ cập cho người dân kể cả các học sinh, sinh viên đều có thể sử dụng thẻ để mua sắm sử dụng hàng ngày.

Để khắc phục các nguyên nhân trên, nhằm mở rộng việc phát hành và sử dụng thẻ thanh toán quốc tế cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, ngân hàng cần tổ chức buổi hội thảo tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm, phân tích những nguyên nhân tồn tại, những thành tựu, từ đó tìm ra những giải pháp để mở rộng thị trường thẻ thanh toán quốc tế phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Hai là, phát triển cơ sở hạ tầng, ngành ngân hàng cần tranh thủ các nguồn vốn quốc tế tài trợ cho các dự án hiện đại hóa của ngành. Công nghệ thanh toán thẻ quốc tế đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn mà bản thân từng ngân hàng khó có thể thực hiện được. Do vậy Chính phủ cần quan tâm đến việc đầu tư cho công nghệ phát hành và thanh toán thẻ. Đây là dự án có hiệu quả rất lớn về lâu về dài trên phạm vi cả nước, nên lợi ích đưa lại không thể chỉ tính bằng thu nhập trước mắt và của riêng ngành ngân hàng.

Ba là, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, ngân hàng rà soát các thủ tục, điều kiện quy định, giảm bớt các yêu cầu không cần thiết nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho việc phát hành và thanh toán thẻ, hạ thấp hạn mức ký quỹ và hạn mức tính dụng cho phù hợp với thu nhập của số đông người dân hiện nay. Mở rộng thêm mạng lưới chấp nhận thẻ thanh toán, phân bố đều ở khắp tỉnh thành, ký hợp đồng với các ngành có số thu tiền mặt khá lớn như bưu điện, điện thoại, điện lực, cấp nước, xăng dầu ... để mở cơ sở chấp nhận thanh toán thẻ. Lắp đặt thêm các máy rút tiền tự động ở những nơi có yêu cầu như các trung tâm thương mại, siêu thị ...

Bốn là, đào tạo đội cán bộ nhân viên ngành ngân hàng về nghiệp vụ thẻ thanh toán. Việc phát hành và thanh toán thẻ là một nghiệp vụ mới đối với các ngân hàng Việt Nam. Do vậy, Ngân hàng Nhà nước, Hiệp hội các Ngân hàng cần phải tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức thẻ về tài liệu và hướng dẫn

ng nghiệp vụ, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo cho các ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, phải tuyên truyền vận động quảng cáo tiếp thị cho khách hàng biết rõ những tiện ích của thẻ thanh toán quốc tế, vì trên thực tế số người hiểu biết về thẻ thanh toán rất hạn chế.

Cuối cùng là Nhà nước phải tạo môi trường pháp lý thuận lợi có hiệu lực có tính pháp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế và Việt Nam. Chính phủ cần ban hành Nghị định mới về hoạt động thanh toán qua Ngân hàng thay thế Nghị 91/CP ngày 25.11.1993 về tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt. Trong Nghị định mới này cần quy định hạn mức sử dụng tiền mặt trong thanh toán giữa các tổ chức kinh tế và cá nhân để hạn chế và bỏ dần thói quen sử dụng tiền mặt trong thanh toán. Tuy nhiên Nghị định này cần tránh việc quản lý quá chặt chẽ và máy móc trong thanh toán, gây phiền hà cho doanh nghiệp tạo thành kiến xấu cho ngân hàng. Về mặt nghiệp vụ thanh toán Ngân hàng Nhà nước đã ban hành quy chế phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ theo Quyết định số 371/1999/QĐ-NHNN1 ngày 19.10.1999 đã giúp cho các ngân hàng có cơ sở pháp lý hơn trong việc phát hành và thanh toán thẻ. Các cơ quan quản lý kinh tế, chính trị, xã hội và các doanh nghiệp cần có sự quan tâm hơn nữa đến vấn đề thanh toán không dùng tiền mặt.

Thực tế hiện nay, thẻ thanh toán quốc tế chưa được phổ cập do các nguyên nhân nêu trên, nhưng chúng ta có thể tin tưởng rằng trong vài năm tới, cùng với sự phát triển của đất nước về mọi mặt, xu hướng hòa nhập cộng đồng kinh tế tài chính thế giới, và với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự hỗ trợ của các cấp, các ngành nhất là nỗ lực và bản lĩnh của ngành ngân hàng, việc phát hành và sử dụng thẻ thanh toán sẽ phát triển đúng với tiềm năng của thị trường. Bên cạnh những lợi ích về kinh tế như doanh thu, lợi nhuận, khai thác từ việc phát hành và sử dụng thẻ thanh toán, còn tiết kiệm được rất nhiều chi phí như: in ấn, kiểm đếm, lưu chuyển, dự trữ và chi phí phát sinh khi khối lượng tiền mặt không lưu thông trong xã hội. Ý nghĩa rất quan trọng về mặt chính trị xã hội là ngân hàng xác lập niềm tin của người dân, của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đối với hệ thống thanh toán ngân hàng, thay đổi tập quán sử dụng tiền mặt, tiến đến một xã hội không dùng tiền mặt trong thanh toán. Nhà nước có thể kiểm soát được các giao dịch của dân cư và của cả nền kinh tế, là tiền đề cho việc tính toán lượng cung ứng tiền tệ và điều hành chính sách tiền tệ có hiệu quả hơn khi đưa ra một công cụ thanh toán phù hợp với xã hội.